

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05 - 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động quý 4 năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
-----------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,284,434,210,751	1,753,561,852,568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44,439,370,604	509,293,273,804
1. Tiền	111		44,439,370,604	8,001,273,804
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	501,292,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		788,455,939,011	858,803,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	788,455,939,011	858,803,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,919,397,652	49,211,998,612
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14,027,854,498	12,609,076,332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2,938,500,000	21,757,460,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9,953,043,154	14,845,462,280
IV. Hàng tồn kho	140	10	398,254,065,182	320,853,735,874
1. Hàng tồn kho	141		402,792,415,750	320,853,735,874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,538,350,568)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26,365,438,302	15,399,844,278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34,276,714	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24,581,752,334	3,465,017,382
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,749,409,254	11,934,826,896
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,762,965,392,384	1,255,943,291,952
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		202,600,000,000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	202,600,000,000	-
II. Tài sản cố định	220	11	5,380,286,007	6,193,264,098
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5,380,286,007	6,193,264,098
- Nguyên giá	222		8,576,213,503	8,307,479,215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,195,927,496)	(2,114,215,117)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,128,409,091	2,079,090,909
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,128,409,091	2,079,090,909
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1,552,832,297,286	1,247,652,152,163
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,029,032,297,286	463,692,595,606
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		523,800,000,000	786,322,400,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2,362,843,443)
V. Tài sản dài hạn khác	260		24,400,000	18,784,782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24,400,000	18,784,782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,047,399,603,135	3,009,505,144,520

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		79,973,062,940	73,397,812,366
I. Nợ ngắn hạn	310		79,973,062,940	73,397,812,366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,179,403,660	2,913,468,600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	23,441,971,457	16,176,889,746
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		409,658,973	303,915,661
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		948,500,000	-
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	47,292,460,550	47,087,221,100
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		242,765,018	408,013,977
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,458,303,282	6,508,303,282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,967,426,540,195	2,936,107,332,154
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	2,967,426,540,195	2,936,107,332,154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,747,440,630,000	2,747,440,630,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,747,440,630,000	2,747,440,630,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139,270,925,591	139,270,925,591
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42,082,508,146)	(42,082,508,146)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19,572,915,034	19,572,915,034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103,224,577,716	71,905,369,675
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71,905,369,675	23,723,685,729
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31,319,208,041	48,181,683,946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,047,399,603,135	3,009,505,144,520



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017		Năm 2016	
			Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2017	Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	66,828,000,007	539,477,818,187	186,989,191,244	907,200,407,575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		66,828,000,007	539,477,818,187	186,989,191,244	907,200,407,575
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	66,121,050,962	548,783,916,750	186,090,499,480	822,525,182,035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		706,949,045	(9,306,098,563)	898,691,764	84,675,225,540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	11,601,030,179	56,657,847,011	15,087,566,784	77,913,032,324
7. Chi phí tài chính	22		582,586	(2,362,260,857)	415,623,832	1,530,993,901
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	487,500,000
8. Chi phí bán hàng	25	20	3,003,492,390	6,037,457,648	2,924,497,890	5,949,481,410
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	790,777,688	3,394,189,391	801,814,706	3,723,485,967
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8,513,126,560	40,282,362,266	11,844,322,120	151,384,296,586
11. Thu nhập khác	31		517,378,949	4,046,053,563	18,884,393,253	20,668,252,611
12. Chi phí khác	32		-	2,845,933,827		917,239,694
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		517,378,949	1,200,119,736	18,884,393,253	19,751,012,917
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9,030,505,509	41,482,482,002	30,728,715,373	171,135,309,503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,379,858,973	10,163,273,961	6,753,279,579	15,056,685,117
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		6,650,646,536	31,319,208,041	23,975,435,794	156,078,624,386



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Lũy kế đến 31/12/2017	Lũy kế đến 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.482.482.002	171.135.309.503
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.081.712.379	1.067.496.580
Các khoản dự phòng	03	2.175.507.125	(2.337.367.990)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	582.586	23.995.502
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(55.608.781.285)	(77.913.032.324)
Chi phí lãi vay	06	-	487.500.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.868.497.193)	92.463.901.271
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	21.305.638.735	142.518.605.945
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(81.938.679.876)	148.946.367.884
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.575.250.574	(1.409.664.932)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(39.891.932)	38.848.085
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(487.500.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.163.273.961)	(15.056.685.117)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(261.085.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(75.129.453.653)	366.752.787.184
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(318.052.470)	(2.079.090.909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(728.455.939.011)	(1.679.578.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	798.803.000.000	820.775.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(505.417.301.680)	(208.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.664.426.200	78.333.662.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(389.723.866.961)	(990.548.428.402)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	315.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(42.082.508.146)
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(75.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(107.896.940.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	90.020.551.414
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(464.853.320.614)	(533.775.089.804)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	509.293.273.804	1.043.069.462.202
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(582.586)	(1.098.594)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	44.439.370.604	509.293.273.804

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo thông tư số
202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200815578 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 18 người (tại 01/01/2017 là 17 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu lên 90,17% phần vốn của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, do đó tại ngày mua, Công ty TNHH Prukca Việt Nam trở thành con của Công ty.

Cấu trúc Công ty

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99.78	99.78	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	90.17	90.17	XD nhà ở xã hội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48.00	48.00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45.45	45.45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48.5	48.5	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

Luật kế toán mới

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc/Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

d. Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	819,592,936	502,773,504
Tiền gửi ngân hàng	43,619,777,668	7,498,500,300
Các khoản tương đương tiền (*)	-	501,292,000,000
Cộng	44,439,370,604	509,293,273,804

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và hưởng lãi suất từ 5,3 % đến 7,6 %

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>788,455,939,011</i>	<i>788,455,939,011</i>	<i>858,803,000,000</i>	<i>858,803,000,000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	788,455,939,011	788,455,939,011	858,803,000,000	858,803,000,000
Cộng	788,455,939,011	788,455,939,011	858,803,000,000	858,803,000,000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 03 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và hưởng lãi suất từ 5,6%/năm đến 7,3%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con (1)	1,029,032,297,286	-	1,029,032,297,286	463,692,595,606
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	523,800,000,000	-	523,800,000,000	783,959,556,557
Cộng	1,552,832,297,286	-	1,552,832,297,286	1,247,652,152,163

(1) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99.78	99.78
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (*)	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	XD nhà ở xã hội	90.17	90.17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	28,800,000	288,000,000,000	28,800,000	288,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10,000,000	100,000,000,000	10,000,000	100,000,000,000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam (*)	-	-	-	262,522,400,000
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13,580,000	135,800,000,000	13,580,000	135,800,000,000
Cộng	-	523,800,000,000	-	786,322,400,000

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy thực hiện mua thêm một phần vốn từ các thành viên khác, theo đó phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy tại Công ty TNHH Prukca Việt Nam nâng lên thành 90,17%.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cần được trình bày. Tuy nhiên, do các công ty liên kết mà Công ty đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, đồng thời hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, do đó giá trị hợp lý được trình bày theo giá trị sổ sách của các Công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2017 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48.00	48.00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45.45	45.45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48.5	48.5	Kinh doanh linh kiện ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các đại lý	14,027,854,498	12,609,076,332
Khách hàng lẻ	-	-
Cộng	14,027,854,498	12,609,076,332

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd			916,000.00	20,848,160,000
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		2,581,900,000	-	-
Các đối tượng khác	-	356,600,000	-	909,300,000
Cộng		2,938,500,000		21,757,460,000

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	9,953,043,154	14,845,462,280
Lãi tiền gửi phải thu tạm tính	9,944,355,085	14,836,774,211
Phải thu khác	8,688,069	8,688,069
<i>Dài hạn</i>	202,600,000,000	-
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (1)	202,600,000,000	
Cộng	212,553,043,154	14,845,462,280

- (1) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy cùng Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 168/HTKD ngày 16/08/2017 trong thời hạn 05 năm về việc đầu tư hợp tác kinh doanh các dự án bất động sản. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sẽ góp số tiền 500 tỷ đồng theo tiến độ thực hiện các dự án bất động sản do TCH làm chủ đầu tư với trách nhiệm tham gia ý kiến trong việc điều hành, quản lý các dự án, hỗ trợ tìm đối tác, khách hàng để tiêu thụ sản phẩm và được hưởng 25% lợi nhuận sau thuế của dự án bất động sản tại địa chỉ số 1 và 8 đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9,497,171,212	4,318,565,094	93,414,197,135	-
Công cụ, dụng cụ	9,120,000	-	-	-
Chi phí SXKD DD	-	-	4,725,670,981	-
Thành phẩm	131,300,856,619	-	16,894,042,147	-
Hàng hóa	105,524,199,458	219,785,474	51,559,438,205	-
Hàng gửi bán	156,461,068,461	-	154,260,387,406	-
Cộng	402,792,415,750	4,538,350,568	320,853,735,874	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2017	-	7,964,262,417	343,216,798	8,307,479,215
Mua trong kỳ	145,734,288	-	123,000,000	268,734,288
Tại 31/12/2017	<u>145,734,288</u>	<u>7,964,262,417</u>	<u>466,216,798</u>	<u>8,576,213,503</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2017		1,852,311,396	261,903,721	2,114,215,117
Khấu hao trong kỳ		1,051,373,669	30,338,710	1,081,712,379
Tại 31/12/2017	<u>-</u>	<u>2,903,685,065</u>	<u>292,242,431</u>	<u>3,195,927,496</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	<u>-</u>	<u>6,111,951,021</u>	<u>81,313,077</u>	<u>6,193,264,098</u>
Tại 31/12/2017	<u>145,734,288</u>	<u>5,060,577,352</u>	<u>173,974,367</u>	<u>5,380,286,007</u>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<u>23,441,971,457</u>	<u>16,176,889,746</u>
Các đại lý	23,341,971,457	16,076,889,746
Khách hàng lẻ	100,000,000	100,000,000
Cộng	<u>23,441,971,457</u>	<u>16,176,889,746</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>47,292,460,550</u>	<u>47,087,221,100</u>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,074,020,000	47,074,020,000
Các khoản phải trả khác	218,440,550	13,201,100
Cộng	<u>47,292,460,550</u>	<u>47,087,221,100</u>

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	2,330,904,280,000	124,532,011,543	-	-	19,572,915,034	140,260,035,729	2,615,269,242,306	-	-	-	315,000,000,000	-
Tăng vốn trong năm	300,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	(116,536,350,000)	-	-	-	-	(42,082,508,146)	(107,896,940,440)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Tăng) cổ phiếu quỹ	-	-	-	(42,082,508,146)	-	-	-	-	(107,896,940,440)	156,078,624,386	-	156,078,624,386
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(261,085,952)	-	-	-	-	-	-	-	-	(261,085,952)	-
Số đầu năm nay	2,747,440,630,000	139,270,925,591	(42,082,508,146)	(42,082,508,146)	19,572,915,034	71,905,369,675	2,936,107,332,154	31,319,208,041	31,319,208,041	103,224,577,716	2,967,426,540,195	2,967,426,540,195
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm nay	2,747,440,630,000	139,270,925,591	(42,082,508,146)	(42,082,508,146)	19,572,915,034	103,224,577,716	2,936,107,332,154	31,319,208,041	31,319,208,041	103,224,577,716	2,967,426,540,195	2,967,426,540,195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 2.747.440.630.000 đồng, danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 25/12/2017 như sau:

	Tại 25/12/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1,004,893,340,000	36.58	1,004,893,340,000	36.58
Ông Đỗ Hữu Hạ	148,000,000,000	5.39	48,000,000,000	1.75
Cổ đông khác	1,594,547,290,000	58.03	1,694,547,290,000	61.67
Cộng	2,747,440,630,000	100	2,747,440,630,000	100

Cổ phiếu

	31/12/2017 (Cổ phiếu)	01/01/2017 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274,744,063	274,744,063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	274,744,063	274,744,063
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	269,744,063	269,744,063
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ (USD)	2,072.95	2,989.30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	51,139,818,190	1,254,545,455	14,433,636,362	66,828,000,007
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	51,139,818,190	1,254,545,455	14,433,636,362	66,828,000,007
2. Giá vốn	49,035,396,290	1,171,156,466	13,446,147,638	63,652,700,394
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	49,035,396,290	1,171,156,466	13,446,147,638	63,652,700,394
3. Lợi nhuận gộp	2,104,421,900	83,388,989	987,488,724	3,175,299,613
LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	2,104,421,900	83,388,989	987,488,724	3,175,299,613

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh ô tô các loại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4 Năm 2017 VND	Quý 4 Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	66,828,000,007	186,538,181,825
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	451,009,419
Cộng	66,828,000,007	186,989,191,244

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4 Năm 2017 VND	Quý 4 Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	63,652,700,394	186,686,180,940
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	(595,681,460)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2,468,350,568	-
Cộng	66,121,050,962	186,090,499,480

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4 Năm 2017 VND	Quý 4 Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	11,183,818,713	14,882,004,641
Cô tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	417,211,466	205,562,143
Cộng	11,601,030,179	15,087,566,784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 Năm 2017	Quý 4 Năm 2016
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	790,777,688	801,814,706
Chi phí nhân viên	209,485,570	410,434,300
Chi phí khấu hao TSCĐ	244,064,027	240,391,116
Các khoản chi phí QLDN khác	337,228,091	150,989,290
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	3,003,492,390	2,924,497,890
Chi phí khấu hao TSCĐ	27,579,397	29,579,394
Chi phí nhân viên	159,970,500	541,976,400
Chi phí đại lý bán hàng	1,127,000,000	
Chi phí khác	1,688,942,493	2,352,942,096

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44,439,370,604	509,293,273,804
Phải thu khách hàng, phải thu khác	226,580,897,652	27,454,538,612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	788,455,939,011	858,803,000,000
Đầu tư tài chính dài hạn	1,552,832,297,286	1,247,652,152,163
Cộng	2,612,308,504,553	2,643,202,964,579
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	48,471,864,210	50,000,689,700
Công nợ tài chính khác	242,765,018	408,013,977
Cộng	49,663,129,228	50,408,703,677

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44,439,370,604	-	44,439,370,604
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23,980,897,652	202,600,000,000	226,580,897,652
Đầu tư tài chính ngắn hạn	788,455,939,011	-	788,455,939,011
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1,552,832,297,286	1,552,832,297,286
Cộng	856,876,207,267	1,755,432,297,286	2,612,308,504,553
Tại 31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	48,471,864,210	-	48,471,864,210
Công nợ tài chính khác	242,765,018	-	242,765,018
Cộng	49,663,129,228	-	49,663,129,228
Chênh lệch thanh khoản thuần	807,213,078,039	1,755,432,297,286	2,562,645,375,325
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	509.293.273.804	-	509.293.273.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.454.538.612	-	27.454.538.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	858.803.000.000	-	858.803.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.247.652.152.163	1.247.652.152.163
Cộng	1.395.550.812.416	1.247.652.152.163	2.643.202.964.579
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	-	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	408.013.977	-	408.013.977
Cộng	50.408.703.677	-	50.408.703.677
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.345.142.108.739	1.247.652.152.163	2.592.794.260.902

Ban giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

22. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN

Dự án Nhà ở thu nhập thấp (thuộc Công ty TNHH Pruksa Việt Nam)

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam; điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ ba ngày 10/11/2017 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 566.440.000.000 đồng, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 510.774.000.000 đồng chiếm 90,17%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruksa Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².

Tại thời cuối năm 2017, dự án đã thực hiện xây dựng hoàn thành trên 55% nhà ở xã hội chung cư 03 tầng, bàn giao được 80% các căn hộ hoàn thành chào bán, đồng thời dự án tiếp tục đầu tư xây dựng 02 block nhà 3 tầng và nhà 05 tầng.

Các dự án thuộc hợp đồng hợp tác kinh doanh số 168/HTKD ngày 16/8/2017
Bao gồm:

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng: Phá dỡ 03 toà chung cư cũ U1, U2, U3; xây dựng 02 toà chung cư 6 tầng trên diện tích đất xây dựng 1.370 m² với diện tích sàn xây dựng 02 toà 8.668 m² với tổng mức đầu tư là 109.627.000.000 VNĐ;

(2) Dự án cải tạo chung cư cũ, xuống cấp, nguy hiểm trên địa bàn Tp. Hải Phòng – Công trình dự khu chung cư HH3, HH4 phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng: Xây dựng toà nhà chung cư gồm 02 khối HH3, HH4 trên diện tích khu đất 9.044 m². Cao 29 tầng và 01 tầng bán hầm. Quy mô: 1.456 căn hộ với giá trị dự án xây dựng chuyển giao là 1.668.428.000.000 VNĐ.

(3) Dự án bất động sản tại địa chỉ số 1 và 8 đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng. Xây dựng khu nhà ở mới đồng bộ, hiện đại, khai thác cảnh quan ven sông với tổng diện tích 59.116,6 m² với tổng mức đầu tư là 1.000.000.000.000 VNĐ

24. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bản chất bên liên quan

Công ty CP Đầu tư DVTC Hoàng Huy
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam
Công ty Cổ phần phát triển DV Trường Giang

Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Lũy kế đến 31/12/2017 VND	Lũy kế đến 31/12/2016 VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	47,690,100,000	34,659,900,000
Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang		
Nhận cổ tức bằng tiền	-	38,316,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Ứng trước tiền hàng	-	100,000,000
Bán hàng hóa, dịch vụ	1,140,000,000	-
Ký gửi hàng hóa		5,132,568,208
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	-	208,000,000,000
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam		
Chi phí khác	-	762,519,765
Công ty Cổ phần phát triển DV Trường Giang		
Mua hàng hóa, dịch vụ		385,981,552

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Ứng trước tiền hàng	2,581,900,000	-
Phải trả thương mại		1,486,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Ứng trước tiền hàng	100,000,000	100,000,000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 đã được soát xét.

26. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 4 NĂM 2017 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2016

Dự báo nhu cầu tiêu thụ xe thuộc phân khúc của Công ty còn giảm nên Công ty đã chủ động duy trì nhập khẩu và phân phối ở mức sản lượng thấp để tránh rủi ro tồn kho. Vì vậy, doanh thu thuần công ty mẹ quý 4 năm 2017 đạt 66.828.000.007 đồng, giảm 64,26% so với cùng kỳ năm 2016. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 6.650.646.536 đồng, giảm 72,26% so với cùng kỳ năm 2016. Tuy nhiên, công ty đã có kế hoạch phân bổ đầu tư các dự án bất động sản tiềm năng đem lại hiệu quả trong dài hạn. Trong quý 4 năm 2017, lĩnh vực kinh doanh bất động sản đã đóng góp vào kết quả kinh doanh của công ty (chi tiết xem báo cáo hợp nhất quý 4 và của Công ty). Nhờ đó, kết quả kinh doanh hợp nhất quý 4 năm 2017 của Công ty đã đạt kết quả cao nhất 4 quý của năm. Trong thời gian 2-3 năm tới, các dự án bất động sản do Công ty đầu tư sẽ đem lại lợi nhuận khả quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo thông tư số
202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 01 năm 2018



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

